

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH

Quý 3 năm 2022

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện /Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	6
A	Tổng số thu, chi hoạt động dịch vụ				
I	Số thu hoạt động dịch vụ	4.232,430	119,741	3%	2189%
	- Thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú	108,000	10,400	10%	
	- Tổ chức học buổi 2	735,750	22,512	3%	1175%
	- Phục vụ bán trú	1.458,000	20,775	1%	2518%
	- Vệ sinh bán trú	243,000	3,464	1%	2492%
	- Tin học	427,740	11,445	3%	1363%
	- Anh văn giao tiếp	792,900	45,525	6%	3252%
	- Tăng cường tiếng Anh	55,800	0,575	1%	
	- Tiếng Anh tự chọn	181,440	4,395	2%	5860%
	- Năng khiếu		0,250		
	- Bóng rổ, bóng đá		0		
	- Stem Roboties	181,800	0,400	0%	145%
	- Thu mặt bằng căn tin	48,000	0		
II	Chi từ nguồn thu hoạt động dịch vụ	3.730,845	478,895	13%	433%
	- Bảo hiểm xã hội	150,000	0		0%
	- Bảo hiểm y tế	60,000	0		0%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện /Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Thu lãi ngân hàng	1,600	0,089	6%	55%
II	Chi từ nguồn thu hoạt động tài chính	-	-		
	- Phí quản lý tài khoản, phí chuyển tiền		0		
C	Số thu, chi từ các quỹ				
I	Số thu trích lập các quỹ	-	-		
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		0		
	- Quỹ phúc lợi		0		
	- Quỹ khen thưởng		0		
	- Quỹ cải cách tiền lương		0		
II	Chi từ nguồn quỹ	-	216,685		1685%
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		0		
	- Quỹ phúc lợi		57,056		507%
	- Quỹ khen thưởng		2,300		256%
	- Quỹ cải cách tiền lương		157,329		
D	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.588,587	1.605,944	21%	191%
I	Nguồn kinh phí thường xuyên	5.008,587	1.155,851	23%	137%
	- Lương ngạch bậc	2.219,241	557,811	25%	123%
	- Phụ cấp chức vụ	38,406	10,281	27%	118%
	- Phụ cấp làm thêm giờ	50,000	0		
	- Phụ cấp ưu đãi nghề	824,568	180,795	22%	116%
	- PCTN vượt khung; PCTN nghề	413,111	106,073	26%	117%
	- Miễn giảm tổ chức học 2 buổi	10,000	0		
	- Bảo hiểm xã hội	522,215	117,979	23%	122%
	- Bảo hiểm y tế	89,523	20,225	23%	122%
	- Kinh phí công đoàn	59,682	13,483	23%	122%
	- Bảo hiểm thất nghiệp	29,841	6,742	23%	122%
	- Khoản công tác phí	12,000	0		
	- Thu nhập tăng thêm từ kinh phí 2021	400,000	0		
	- Phụ cấp ưu đãi dạy học sinh khuyết tật	140,000	0		
	- Tiền điện		27,105		
	- Tiền nước		37,591		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện /Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Thuê lao động trong nước		77,767		
	- Trợ cấp thôi việc	50,000	0		
	- Trích lập quỹ khen thưởng	50,000	0		
	- Trích lập quỹ phúc lợi năm 2021	50,000	0		
	- Trích lập quỹ phát triển HDSN năm 2021	50,000	0		
II	Nguồn kinh phí không thường xuyên	2.580,000	450,093		82%
	- Chi khác (chăm lo Tết)	80,000	0		
	- Từ nguồn CCTL NSNN cấp (NQ 03)	2.500,000	450,093	18%	82%

Quận 1, ngày 15 tháng 10 năm 2022

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Bảo Ngọc



HIỆU TRƯỞNG

Lê Công Minh